

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận danh hiệu Giáo viên dạy giỏi thành phố
cấp Trung học cơ sở năm học 2022 - 2023

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 31/08/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Kế hoạch số 100/SGDĐT-GDTrH ngày 03/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi thành phố cấp Trung học cơ sở năm học 2022 - 2023;

Căn cứ kết quả đánh giá của Ban giám khảo Hội thi giáo viên dạy giỏi thành phố cấp Trung học cơ sở năm học 2022 – 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục Trung học – Sở Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu Giáo viên dạy giỏi thành phố cấp Trung học cơ sở năm học 2022 – 2023, gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi thành phố cấp Trung học cơ sở năm học 2022 – 2023 được cấp giấy chứng nhận và được hưởng quyền lợi theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Giáo dục Trung học, Trưởng các phòng ban cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo có liên quan, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận/huyện, Thủ trưởng các đơn vị và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- PGD Đỗ Văn Lợi;
- Lưu: VT, TrH.

GIÁM ĐỐC

Bùi Văn Kiệm

DANH SÁCH GIÁO VIÊN ĐẠT DANH HIỆU
GIÁO VIÊN DẠY GIỎI THÀNH PHỐ CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM HỌC 2022 – 20223
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Quận/huyện	Môn dự thi
1	Vũ Thị Hoà	03/04/1990	THCS An Hồng	An Dương	Âm nhạc
2	Đỗ Thị Nguyệt	25/12/1983	THCS An Hồng	An Dương	Công nghệ
3	Nguyễn Thị Thạch Thảo	24/10/1995	THCS Lê Lợi	An Dương	Địa lí
4	Vũ Thị Thanh Tâm	04/06/1993	THCS Đồng Thái	An Dương	Giáo dục công dân
5	Nguyễn Thị Tô Quyên	22/10/1995	THCS An Dương	An Dương	Khoa học tự nhiên
6	Lê Thị Mai Quỳnh	07/10/1992	THCS An Hưng	An Dương	Khoa học tự nhiên
7	Trần Văn Thành	23/04/1987	THCS Bắc Sơn	An Dương	Lịch sử
8	Đỗ Thị Huyền	02/07/1991	THCS An Dương	An Dương	Lịch sử và Địa lý
9	Nguyễn Thị Phượng	10/11/1980	THCS An Hưng	An Dương	Ngữ văn
10	Phạm Thị Tuyết Nhung	30/09/1989	THCS Bắc Sơn	An Dương	Ngữ văn
11	Đào Mai Trang	08/09/1991	THCS Đồng Thái	An Dương	Ngữ văn
12	Lê Thị Huê	20/07/1986	THCS Hồng Phong	An Dương	Ngữ văn
13	Nguyễn Văn Thi	15/08/1981	THCS Hồng Phong	An Dương	Ngữ văn
14	Trần Thị Thanh Phương	01/09/1990	THCS An Dương	An Dương	Tiếng Anh
15	Nguyễn Thị Diệu Thuý	15/10/1979	THCS Tân Tiến	An Dương	Tin học
16	Đặng Tài Tuệ	10/10/1995	THCS An Dương	An Dương	Toán
17	Nguyễn Thị Thuý Mai	06/11/1991	THCS Đặng Cương	An Dương	Toán
18	Mai Thị Hồng Phượng	08/02/1984	THCS Đồng Thái	An Dương	Toán
19	Phạm Thu Hằng	17/07/1995	THCS Hồng Thái	An Dương	Toán
20	Nguyễn Thị Minh Phượng	08/05/1993	THCS Quốc Tuấn	An Dương	Toán
21	Trần Thị Phương Thanh	10/09/1983	THCS An Hoà	An Dương	Vật lí
22	Nguyễn Thị Ngân	23/02/1989	THCS Hồng Thái	An Dương	Vật lí
23	Vũ Hồng Đức	28/06/1987	THCS Quốc Tuấn	An Lão	Âm nhạc
24	Nguyễn Đình Phòng	13/11/1978	THCS Tân Dân	An Lão	Công nghệ
25	Nguyễn Thị Phương Thúy	26/09/1988	THCS An Thắng	An Lão	Địa lí
26	Bùi Thị Kiều	20/07/1996	THCS Thái Sơn	An Lão	Hóa học
27	Nguyễn Thị Diệp Khánh	23/10/1989	THCS Quốc Tuấn	An Lão	Khoa học tự nhiên
28	Trần Thị Loan	10/04/1982	THCS Mỹ Đức	An Lão	Lịch sử và Địa lý
29	Trần Thị Vân Anh	08/04/1987	THCS An Tiến	An Lão	Ngữ văn
30	Vũ Thị Hương Lý	21/04/1984	THCS Quang Hưng	An Lão	Ngữ văn

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Quận/huyện	Môn dự thi
31	Lê Thị Quý	08/04/1986	THCS Tân Viên	An Lão	Ngữ văn
32	Lê Thị Thu Hà	27/06/1977	THCS Trường Thọ	An Lão	Ngữ văn
33	Nguyễn Thị Thủy	07/05/1990	TH-THCS Trường Thành	An Lão	Ngữ văn
34	Lê Thị Thanh Mát	30/05/1986	THCS An Thắng	An Lão	Sinh học
35	Nguyễn Thị Hà	06/08/1989	THCS Bát Trang	An Lão	Sinh học
36	Vũ Phương Lan	22/09/1988	THCS Quang Trung	An Lão	Tiếng Anh
37	Phạm Thu Hà	29/11/1984	THCS An Tiến	An Lão	Toán
38	Nguyễn Văn Anh	12/08/1989	THCS Mỹ Đức	An Lão	Toán
39	Phạm Thùy Giang	03/08/1991	THCS Nguyễn Chuyên Mỹ	An Lão	Toán
40	Lê Thị Luyến	04/02/1986	THCS Quang Hưng	An Lão	Toán
41	Đỗ Thị Huệ	05/02/1988	THCS Trường Thọ	An Lão	Toán
42	Trần Đình Sâm	28/07/1982	THCS Chiến Thắng	An Lão	Giáo dục thể chất
43	Bùi Đăng Tường	26/04/1985	THCS Trường Thọ	An Lão	Giáo dục thể chất
44	Bùi Thị Thanh Thảo	07/09/1990	THCS Thị trấn Cát Bà	Cát Hải	Hóa học
45	Lê Hà Thanh	24/12/1995	THCS Thị trấn Cát Bà	Cát Hải	Ngữ văn
46	Dương Thị Hiền	12/01/1991	THCS Thị trấn Cát Bà	Cát Hải	Ngữ văn
47	Hà Thị Tố Nga	19/12/1994	THCS Thị trấn Cát Hải	Cát Hải	Ngữ văn
48	Nguyễn Thị Thương	02/04/1987	THCS Thị trấn Cát Hải	Cát Hải	Ngữ văn
49	Ngô Thị Phượng	06/09/1990	THCS Thị trấn Cát Bà	Cát Hải	Sinh học
50	Lê Thị Ngọc Bích	14/09/1991	THCS Thị trấn Cát Bà	Cát Hải	Toán
51	Ngô Thị Hương	29/01/1992	THCS Thị trấn Cát Hải	Cát Hải	Toán
52	Nguyễn Huyền Trang	05/05/1986	THCS Thị trấn Cát Bà	Cát Hải	Giáo dục thể chất
53	Nguyễn Hồng Vân	19/10/1989	THCS Thị trấn Cát Hải	Cát Hải	Vật lí
54	Vũ Thị Hà	03/11/1987	THCS Anh Dũng	Dương Kinh	Âm nhạc
55	Phạm Thị Nhung	19/01/1988	THCS Hưng Đạo	Dương Kinh	Hóa học
56	Mai Thị Hiền	23/05/1983	THCS Hải Thành	Dương Kinh	Mĩ thuật
57	Phạm Khánh Huyền	21/12/1991	THCS Anh Dũng	Dương Kinh	Ngữ văn
58	Đoàn Thị Hoa	04/03/1983	THCS Hải Thành	Dương Kinh	Ngữ văn
59	Đào Thị Lành	12/11/1987	THCS Hưng Đạo	Dương Kinh	Toán
60	Nguyễn Văn Giáp	03/10/1994	THCS Bằng La	Đồ Sơn	Âm nhạc
61	Phạm Thị Thu Trang	17/7/1987	TH-THCS Vạn Hương	Đồ Sơn	Hóa học
62	Phạm Thị Hương	16/10/1980	THCS Hợp Đức	Đồ Sơn	Khoa học tự nhiên
63	Ngô Thị Thu Trang	08/05/1989	THCS Hợp Đức	Đồ Sơn	Khoa học tự nhiên

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Quận/huyện	Môn dự thi
64	Phạm Văn Điệp	10/05/1982	THCS Hợp Đức	Đồ Sơn	Lịch sử và Địa lý
65	Trần Thị Hảo	07/12/1989	THCS Ngọc Hải	Đồ Sơn	Lịch sử và Địa lý
66	Phạm Thị Yến Linh	26/01/1980	THCS Vạn Sơn	Đồ Sơn	Mĩ thuật
67	Ngô Hải Thu	18/09/1983	THCS Vạn Sơn	Đồ Sơn	Ngữ văn
68	Hoàng Thị Hồng Nhung	21/05/1995	THCS Bằng La	Đồ Sơn	Tiếng Anh
69	Trần Thị Thanh Nhân	30/09/1992	THCS Hợp Đức	Đồ Sơn	Tiếng Anh
70	Nguyễn Thị Thu Hương	03/09/1990	TH-THCS Vạn Hương	Đồ Sơn	Tiếng Anh
71	Dương Phương Anh	15/11/1984	THCS Ngọc Hải	Đồ Sơn	Tin học
72	Lưu Thị Diệu Linh	19/09/1995	THCS Bằng La	Đồ Sơn	Toán
73	Ngô Thị Hồng Luyến	07/01/1982	THCS Hợp Đức	Đồ Sơn	Toán
74	Đinh Thị Hà Vân	27/12/1991	THCS Ngọc Hải	Đồ Sơn	Toán
75	Đinh Đình Phong An	17/03/1998	THCS Vạn Sơn	Đồ Sơn	Toán
76	Lương Thị Huyền Trang	17/08/1990	THCS Vạn Sơn	Đồ Sơn	Toán
77	Lưu Đắc Thắng	07/01/1995	THCS Vạn Sơn	Đồ Sơn	Giáo dục thể chất
78	Bùi Trọng Bằng	08/09/1987	TH-THCS Vạn Hương	Đồ Sơn	Giáo dục thể chất
79	Đỗ Thị Tuyết Nhung	12/12/1992	THCS Ngọc Hải	Đồ Sơn	Vật lí
80	Trịnh Hoàng Sơn Tùng	31/12/1990	THCS Vạn Sơn	Đồ Sơn	Vật lí
81	Phùng Thị Lan	07/08/1987	THCS Đông Hải	Hải An	Âm nhạc
82	Vũ Thị Huyền Trang	27/05/1994	THCS Đằng Lâm	Hải An	Địa lí
83	Trịnh Thị Thu Thảo	04/11/1988	THCS Đông Hải	Hải An	Địa lí
84	Nguyễn Thị Hồng Liên	09/01/1986	THCS Đằng Hải	Hải An	Hóa học
85	Nguyễn Thị Phương	25/08/1980	THCS Tràng Cát	Hải An	Hóa học
86	Vũ Thị An	03/02/1988	THCS Lê Lợi	Hải An	Khoa học tự nhiên
87	Nguyễn Thu Phương	14/11/1994	THCS Đông Hải	Hải An	Khoa học tự nhiên
88	Tô Thị Hằng	22/04/1982	THCS Tràng Cát	Hải An	Lịch sử và Địa lý
89	Lê Thị Thu	26/06/1986	THCS Lê Lợi	Hải An	Lịch sử và Địa lý
90	Nguyễn Thị Thêm	13/05/1986	THCS Tràng Cát	Hải An	Lịch sử và Địa lý
91	Vũ Thị Hương	18/09/1990	THCS Đằng Hải	Hải An	Ngữ văn
92	Đào Xuân Tâm	23/01/1989	THCS Đằng Lâm	Hải An	Ngữ văn
93	Phùng Thị Thùy Linh	09/04/1996	THCS Đông Hải	Hải An	Ngữ văn
94	Trần Kim Thoa	13/01/1991	THCS Đông Hải	Hải An	Ngữ văn

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Quận/huyện	Môn dự thi
95	Nguyễn Thu Trang	14/09/1994	THCS Đông Hải	Hải An	Ngữ văn
96	Phùng Thị Hòa	25/06/1985	THCS Lê Lợi	Hải An	Ngữ văn
97	Nguyễn Thị Mai Phương	16/02/1991	THCS Nam Hải	Hải An	Ngữ văn
98	Nguyễn Thị Hoa	18/02/1987	PT Hai Bà Trưng	Hải An	Ngữ văn
99	Nguyễn Thị Thúy Hoàn	13/12/1986	THCS Đông Hải	Hải An	Sinh học
100	Nguyễn Ngọc Anh	23/09/1994	THCS Lê Lợi	Hải An	Sinh học
101	Cao Thị Thanh Minh	11/10/1987	PT Hai Bà Trưng	Hải An	Sinh học
102	Phan Thanh Hải	31/05/1986	THCS Đằng Hải	Hải An	Tiếng Anh
103	Đinh Thị Quỳnh Chi	16/04/1976	THCS Đằng Lâm	Hải An	Tiếng Anh
104	Phan Kim Huệ	11/05/1988	THCS Đông Hải	Hải An	Tiếng Anh
105	Nguyễn Thị Kiều Anh	01/06/1980	THCS Tràng Cát	Hải An	Tiếng Anh
106	Vũ Thị Mai Anh	16/11/1993	PT Hai Bà Trưng	Hải An	Tiếng Anh
107	Đặng Hương Anh	14/08/1994	PT Hai Bà Trưng	Hải An	Tiếng Anh
108	Nguyễn Thị Thúy	15/07/1980	THCS Đông Hải	Hải An	Tin học
109	Nguyễn Thị Tú Uyên	10/09/1989	PT Hermann Gmeiner	Hải An	Toán
110	Nguyễn Lê Minh	06/05/1989	THCS Đằng Hải	Hải An	Toán
111	Hoàng Thị Thanh Thúy	04/08/1986	THCS Đằng Lâm	Hải An	Toán
112	Mạc Thị Thùy Dung	12/01/1997	THCS Đằng Lâm	Hải An	Toán
113	Trương Tuấn Anh	15/06/1982	THCS Đằng Lâm	Hải An	Toán
114	Nguyễn Mai Hòa	13/08/1984	THCS Lê Lợi	Hải An	Toán
115	Vũ Thị Hải Yến	10/02/1983	THCS Lê Lợi	Hải An	Toán
116	Đặng Thị Vân	01/11/1992	THCS Lê Lợi	Hải An	Toán
117	Nguyễn Thị Nhện	03/04/1983	THCS Đông Hải	Hải An	Giáo dục thể chất
118	Trần Thị Thu Trang	14/10/1990	THCS Đằng Lâm	Hải An	Vật lí
119	Nguyễn Thị Vân	10/02/1987	THCS Nam Hải	Hải An	Vật lí
120	Trịnh Văn Long	02/09/1976	THCS Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Công nghệ
121	Trần Thị Mỹ	28/05/1985	THCS Hùng Vương	Hồng Bàng	Địa lí
122	Phan Thị Thu Trang	18/08/1985	THCS Nguyễn Trãi	Hồng Bàng	Địa lí
123	Vũ Thị Thu Hiền	12/08/1982	THCS Hùng Vương	Hồng Bàng	Giáo dục công dân
124	Vũ Thị Mai Hiền	23/07/1981	THCS Quán Toa	Hồng Bàng	Lịch sử
125	Lê Thị Thu Hương	02/03/1986	THCS Trần Văn Ôn	Hồng Bàng	Lịch sử và Địa lý
126	Phạm Thị Thu Trang	16/02/1988	THCS Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Lịch sử và Địa lý
127	Hà Quang Tuấn	12/08/1976	THCS Hùng Vương	Hồng Bàng	Mĩ thuật
128	Nguyễn Thị Châu	10/09/1984	THCS Hồng Bàng	Hồng Bàng	Ngữ văn

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Quận/huyện	Môn dự thi
129	Nguyễn Thị Thu	05/10/1978	THCS Hồng Bàng	Hồng Bàng	Ngữ văn
130	Đỗ Thị Ngọc	07/03/1979	THCS Hùng Vương	Hồng Bàng	Ngữ văn
131	Hà Thị Du	20/08/1989	THCS Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Ngữ văn
132	Vũ Ngọc Anh	13/12/1997	THCS Quán Toan	Hồng Bàng	Ngữ văn
133	Nguyễn Thị MinhThúy	01/09/1978	THCS Hồng Bàng	Hồng Bàng	Sinh học
134	Nguyễn Thị HồngHạnh	21/04/1981	THCS Hùng Vương	Hồng Bàng	Sinh học
135	Phạm Thị Lan Hương	14/10/1987	THCS Bạch Đằng	Hồng Bàng	Tiếng Anh
136	Hà Thị Ánh Thu	06/10/1974	THCS Hồng Bàng	Hồng Bàng	Tiếng Anh
137	Nguyễn Thị Lan Hương	25/05/1978	THCS Hồng Bàng	Hồng Bàng	Tiếng Anh
138	Hoàng Thị Hương Giang	19/12/1982	THCS Hồng Bàng	Hồng Bàng	Tiếng Anh
139	Võ Thị Thanh Hoài	25/10/1981	THCS Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Tiếng Anh
140	Phạm Thị Huyền Thái	22/01/1975	THCS Hồng Bàng	Hồng Bàng	Tin học
141	Phạm Thị Thuý Mai	02/02/1976	THCS Hùng Vương	Hồng Bàng	Tin học
142	Nguyễn Xuân Hoàng	13/11/1991	THCS Bạch Đằng	Hồng Bàng	Toán
143	Bùi Như Yến	01/11/1995	THCS Bạch Đằng	Hồng Bàng	Toán
144	Nguyễn Thu Trang	15/09/1983	THCS Bạch Đằng	Hồng Bàng	Toán
145	Đoàn Quốc Việt	06/08/1981	THCS Hồng Bàng	Hồng Bàng	Toán
146	Vũ Công Minh	13/09/1987	THCS Hồng Bàng	Hồng Bàng	Toán
147	Nguyễn Thị Thuý Linh	12/12/1990	THCS Hồng Bàng	Hồng Bàng	Toán
148	Hoàng Thị Kim Ngân	24/09/1992	THCS Nguyễn Trãi	Hồng Bàng	Toán
149	Phạm Thị Thu Thoa	12/05/1977	THCS Quán Toan	Hồng Bàng	Toán
150	Hoàng Xuân Quý	18/03/1992	THCS Bạch Đằng	Hồng Bàng	Giáo dục thể chất
151	Vũ Thị Kim Dung	07/03/1981	THCS Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Giáo dục thể chất
152	Nguyễn Thị Thanh Huyền	10/04/1979	THCS Hùng Vương	Hồng Bàng	Vật lí
153	Vũ Thị Dung	19/08/1990	THCS Quán Toan	Hồng Bàng	Vật lí
154	Đoàn Thị Lương	28/12/1979	THCS Bắc Hà	Kiến An	Âm nhạc
155	Trần Thị Nga	27/09/1993	THCS Nam Hà	Kiến An	Âm nhạc
156	Trương Ngọc Thảo	24/12/1992	THCS Trần Phú	Kiến An	Công nghệ
157	Ngô Thị Hường	06/10/1980	THCS Lương Khánh Thiện	Kiến An	Giáo dục công dân
158	Nguyễn Phạm Khánh Loan	11/11/1997	THCS Nam Hà	Kiến An	Giáo dục công dân
159	Phạm Thị Lượng	20/09/1979	THCS Đồng Hoà	Kiến An	Hóa học
160	Nguyễn Thị Thu	10/08/1988	THCS Trần Phú	Kiến An	Hóa học
161	Nguyễn Thị Thu Hương	08/11/1982	THCS Trần Hưng Đạo	Kiến An	Lịch sử và Địa lý
162	Ngô Diệu Hương	04/09/1985	THCS Đồng Hoà	Kiến An	Mĩ thuật

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Quận/huyện	Môn dự thi
163	Vũ Thị Vân	05/12/1987	THCS Bắc Sơn	Kiến An	Ngữ văn
164	Nguyễn Thị Thanh Toàn	31/03/1985	THCS Đồng Hoà	Kiến An	Ngữ văn
165	Phạm Thị Hằng	20/10/1989	THCS Lương Khánh Thiện	Kiến An	Ngữ văn
166	Lê Thị Xuân	10/02/1986	THCS Lương Khánh Thiện	Kiến An	Ngữ văn
167	Hoàng Thị Kim Trang	04/04/1985	THCS Lương Khánh Thiện	Kiến An	Ngữ văn
168	Phạm Thanh Hằng	28/07/1987	THCS Nam Hà	Kiến An	Ngữ văn
169	Đặng Thị Lan Chi	26/09/1998	THCS Trần Phú	Kiến An	Ngữ văn
170	Hoàng Thị Trang	12/10/1989	THCS Bắc Sơn	Kiến An	Sinh học
171	Bùi Thị Lan Hương	04/08/1989	THCS Lương Khánh Thiện	Kiến An	Sinh học
172	Phạm Thị Mai Trang	18/06/1987	THCS Trần Phú	Kiến An	Sinh học
173	Ngô Thị Huệ	17/01/1980	THCS Đồng Hoà	Kiến An	Tiếng Anh
174	Đỗ Thị Minh Thảo	21/10/1977	THCS Nam Hà	Kiến An	Tiếng Anh
175	Bùi Thị Loan	07/11/1992	THCS Bắc Sơn	Kiến An	Toán
176	Phạm Hồng Cẩm	06/11/1986	THCS Lương Khánh Thiện	Kiến An	Toán
177	Văn Thị Thu Hà	23/12/1991	THCS Lương Khánh Thiện	Kiến An	Toán
178	Đặng Thanh Huyền	10/11/1987	THCS Lương Khánh Thiện	Kiến An	Toán
179	Nguyễn Quang Vinh	28/10/1995	THCS Nam Hà	Kiến An	Toán
180	Lương Thị Lâm An	03/07/1996	THCS Trần Phú	Kiến An	Toán
181	Nguyễn Thị Phương Dung	16/08/1989	THCS Trần Phú	Kiến An	Toán
182	Đoàn Đức Cảnh	28/05/1985	THCS Đồng Hoà	Kiến An	Giáo dục thể chất
183	Đinh Doanh Toàn	11/08/1994	THCS Trần Hưng Đạo	Kiến An	Giáo dục thể chất
184	Tô Thành Vương	10/01/1983	THCS Đồng Hoà	Kiến An	Vật lí
185	Đỗ Thị Thanh Xuân	03/02/1995	THCS Trần Hưng Đạo	Kiến An	Vật lí
186	Lê Bích Ngọc	27/06/1989	THCS Trần Phú	Kiến An	Vật lí
187	Cao Thị Lương	15/02/1991	THCS Ngũ Đoan	Kiến Thụỵ	Địa lí
188	Nguyễn Thị Thanh Thủy	15/08/1991	THCS Đại Hà	Kiến Thụỵ	Khoa học tự nhiên
189	Bùi Thị Thắm	29/05/1989	THCS Đại Hợp	Kiến Thụỵ	Lịch sử
190	Ngô Minh Huệ	25/07/1986	THCS Minh Tân	Kiến Thụỵ	Lịch sử
191	Nguyễn Thị Hường	28/01/1991	THCS Minh Tân	Kiến Thụỵ	Lịch sử và Địa lý
192	Đỗ Thị Hợp	10/02/1987	THCS Ngũ Đoan	Kiến Thụỵ	Ngữ văn
193	Nguyễn Thị Hồng Tươi	02/02/1991	THCS Tân Trào	Kiến Thụỵ	Ngữ văn
194	Đinh Thị Thu Hoài	27/12/1980	THCS Ngũ Đoan	Kiến Thụỵ	Sinh học
195	Phạm Thị Thu	27/11/1986	THCS Đông Phương	Kiến Thụỵ	Tiếng Anh
196	Vũ Thị Tuyền	01/05/1989	THCS Kiến Quốc	Kiến Thụỵ	Tiếng Anh

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Quận/huyện	Môn dự thi
197	Trần Thị Mỹ	23/11/1982	THCS Ngũ Đoan	Kiến Thụy	Tiếng Anh
198	Lê Thị Bách	02/02/1995	THCS Tú Sơn	Kiến Thụy	Tiếng Anh
199	Vũ Mạnh Hải	03/09/1980	THCS Tú Sơn	Kiến Thụy	Tin học
200	Trần Thị Thoa	13/01/1989	THCS Đại Đồng	Kiến Thụy	Toán
201	Đặng Thị Hồng	20/10/1995	THCS Đại Hợp	Kiến Thụy	Toán
202	Trần Thị An	15/11/1988	THCS Đông Phương	Kiến Thụy	Toán
203	Vũ Thị Dinh	13/05/1988	THCS Thị trấn Núi Đồi	Kiến Thụy	Toán
204	Đinh Duy Khánh	10/10/1988	THCS Minh Tân	Kiến Thụy	Vật lí
205	Lê Trung Đức	24/01/1995	TH-THCS Du Lễ	Kiến Thụy	Vật lí
206	Vũ Thị Thu Anh	22/07/1981	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Lê Chân	Âm nhạc
207	Đinh Thị Ngọc Hoa	17/01/1986	THCS Dư Hàng Kênh	Lê Chân	Công nghệ
208	Vũ Minh Toán	24/03/1992	THCS Trương Công Định	Lê Chân	Công nghệ
209	Nguyễn Thị Thùy Trinh	12/03/1995	THCS Trương Công Định	Lê Chân	Công nghệ
210	Phạm Hoài Thu	09/10/1989	THCS Hoàng Diệu	Lê Chân	Địa lí
211	Lưu Thị Mai	06/09/1981	THCS Ngô Quyền	Lê Chân	Địa lí
212	Nguyễn Thị Hoàn	15/04/1991	THCS Trương Công Định	Lê Chân	Địa lí
213	Nguyễn Thị Thu Hằng	26/10/1991	THCS Tô Hiệu	Lê Chân	Giáo dục công dân
214	Nguyễn Thị Thu Huyền	23/01/1996	THCS Trần Phú	Lê Chân	Giáo dục công dân
215	Vũ Thị Thủy	28/02/1982	THCS Trương Công Định	Lê Chân	Giáo dục công dân
216	Phạm Thị Hương	21/09/1985	THCS Lê Chân	Lê Chân	Hóa học
217	Nguyễn Thị Thùy	27/10/1986	THCS Tô Hiệu	Lê Chân	Hóa học
218	Lê Thanh Nhân	19/05/1985	THCS Trần Phú	Lê Chân	Hóa học
219	Lưu Thị Mai Phương	10/12/1988	THCS Trần Phú	Lê Chân	Khoa học tự nhiên
220	Lương Thị Bích Hằng	03/04/1985	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Lê Chân	Khoa học tự nhiên
221	Vi Thị Xoan	15/12/1984	THCS Vĩnh Niệm	Lê Chân	Khoa học tự nhiên
222	Mai Thị Bình	21/08/1988	THCS Ngô Quyền	Lê Chân	Lịch sử
223	Bùi Thị Hào	17/02/1982	THCS Vĩnh Niệm	Lê Chân	Lịch sử
224	Nguyễn Thị Loan	06/10/1988	THCS Ngô Quyền	Lê Chân	Lịch sử và Địa lý
225	Nguyễn Thị Hoài Thu	25/10/1990	THCS Trần Phú	Lê Chân	Lịch sử và Địa lý
226	Nguyễn Thanh Nga	10/09/1981	THCS Võ Thị Sáu	Lê Chân	Lịch sử và Địa lý

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Quận/huyện	Môn dự thi
227	Phạm Thị Mai Anh	07/03/1977	THCS Võ Thị Sáu	Lê Chân	Lịch sử và Địa lý
228	Nguyễn Thị Hoài Thu	18/07/1980	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Lê Chân	Mĩ thuật
229	Lê Huyền Trang	18/12/1996	THCS Lê Chân	Lê Chân	Ngữ văn
230	Cao Ngọc Hà	28/11/1985	THCS Lê Chân	Lê Chân	Ngữ văn
231	Nguyễn Thị Quỳnh Vân	08/11/1985	THCS Lê Chân	Lê Chân	Ngữ văn
232	Phạm Thị Phương Anh	19/09/1984	THCS Ngô Quyền	Lê Chân	Ngữ văn
233	Phạm Thanh Huyền	02/04/1992	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Lê Chân	Ngữ văn
234	Bùi Minh Huế	22/01/1995	THCS Tô Hiệu	Lê Chân	Ngữ văn
235	Trịnh Thị Bích Phượng	10/01/1982	THCS Trần Phú	Lê Chân	Ngữ văn
236	Nguyễn Thị Thúy	08/06/1986	THCS Trương Công Định	Lê Chân	Ngữ văn
237	Trần Thị Thu Hằng	09/08/1979	THCS Vĩnh Niệm	Lê Chân	Ngữ văn
238	Cao Thị Hà	10/12/1986	THCS Vĩnh Niệm	Lê Chân	Sinh học
239	Trần Thị Lan Hương	08/12/1980	THCS Ngô Quyền	Lê Chân	Tiếng Anh
240	Trần Thị Quỳnh Anh	15/10/1991	THCS Trần Phú	Lê Chân	Tiếng Anh
241	Nguyễn Thị Quỳnh Loan	08/11/1977	THCS Trần Phú	Lê Chân	Tiếng Anh
242	Phạm Thị Thu Hương	29/09/1975	THCS Trương Công Định	Lê Chân	Tiếng Anh
243	Đào Hải Yến	16/08/1991	THCS Hoàng Diệu	Lê Chân	Toán
244	Vũ Thị Hòa	02/03/1992	THCS Lê Chân	Lê Chân	Toán
245	Ngô Thị Phương Thảo	08/03/1990	THCS Ngô Quyền	Lê Chân	Toán
246	Nguyễn Thị Khánh Tiệp	01/9/1991	THCS Ngô Quyền	Lê Chân	Toán
247	Ngô Thị Thanh Tâm	05/06/1985	THCS Trần Phú	Lê Chân	Toán
248	Lâm Quỳnh Vân	29/12/1994	THCS Trần Phú	Lê Chân	Toán
249	Phạm Thị Sen	20/11/1987	THCS Trần Phú	Lê Chân	Toán
250	Trần Thị Mai Hoa	16/05/1983	THCS Trần Phú	Lê Chân	Toán
251	Nguyễn Văn Đoài	23/03/1983	THCS Trương Công Định	Lê Chân	Toán
252	Vũ Thị Ánh Hồng	14/01/1992	THCS Ngô Quyền	Lê Chân	Giáo dục thể chất
253	Phạm Thị Hoa	06/08/1987	THCS Võ Thị Sáu	Lê Chân	Giáo dục thể chất
254	Nguyễn Thị Hường	18/08/1986	THCS Võ Thị Sáu	Lê Chân	Giáo dục thể chất
255	Nguyễn Thị Lương	10/08/1991	THCS Ngô Quyền	Lê Chân	Vật lí
256	Phạm Thị Thuý	24/04/1993	THCS Trần Phú	Lê Chân	Vật lí
257	Nguyễn Thị Kim Oanh	02/10/1985	THCS Vĩnh Niệm	Lê Chân	Vật lí
258	Nguyễn Thị Thu Huyền	26/09/1982	THCS An Đà	Ngô Quyền	Âm nhạc
259	Nguyễn Thị Thanh Hà	23/09/1983	THCS Đà Nẵng	Ngô Quyền	Âm nhạc
260	Phạm Thị Thu Hà	19/07/1986	THCS Đà Nẵng	Ngô Quyền	Công nghệ

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Quận/huyện	Môn dự thi
261	Đoàn Thị Như Hoàn	03/12/1984	THCS Lạc Viên	Ngô Quyền	Địa lí
262	Bùi Thị Lan	10/12/1991	THCS Quang Trung	Ngô Quyền	Địa lí
263	Vũ Thị Nhật Anh	20/07/1989	THCS Lý Tự Trọng	Ngô Quyền	Giáo dục công dân
264	Cao Thị Duyên	17/06/1989	THCS Quang Trung	Ngô Quyền	Giáo dục công dân
265	Đặng Thị Thanh Thủy	25/10/1989	THCS An Đà	Ngô Quyền	Hóa học
266	Phạm Thị Hảo	20/11/1986	THCS Đà Nẵng	Ngô Quyền	Hóa học
267	Phạm Bích Ngà	17/09/1986	THCS Đà Nẵng	Ngô Quyền	Khoa học tự nhiên
268	Đinh Thị Như	15/03/1983	THCS Quang Trung	Ngô Quyền	Khoa học tự nhiên
269	Nguyễn Thị Huệ	08/02/1988	THCS An Đà	Ngô Quyền	Lịch sử
270	Đỗ Thị Trang	15/11/1990	THCS Đà Nẵng	Ngô Quyền	Lịch sử
271	Nguyễn Thị Ánh Kim	21/05/1981	THCS Lạc Viên	Ngô Quyền	Lịch sử
272	Lưu Thị Thảo	27/07/1992	THCS Chu Văn An	Ngô Quyền	Lịch sử và Địa lý
273	Trần Thị Huyền Chi	20/09/1988	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Ngô Quyền	Lịch sử và Địa lý
274	Trần Thị Nhung	22/10/1986	THCS An Đà	Ngô Quyền	Ngữ văn
275	Đoàn Thị Vĩ	01/09/1987	THCS Chu Văn An	Ngô Quyền	Ngữ văn
276	Nguyễn Thị Việt Lê	27/09/1981	THCS Chu Văn An	Ngô Quyền	Ngữ văn
277	Phạm Thị Thu Trang	17/01/1996	THCS Đà Nẵng	Ngô Quyền	Ngữ văn
278	Nguyễn Thị Nhung	15/03/1978	THCS Đà Nẵng	Ngô Quyền	Ngữ văn
279	Vũ Thị Huân	14/07/1983	THCS Đà Nẵng	Ngô Quyền	Ngữ văn
280	Nguyễn Thị Hà	28/11/1986	THCS Lạc Viên	Ngô Quyền	Ngữ văn
281	Nguyễn Thị Hồng Toan	20/12/1978	THCS Lạc Viên	Ngô Quyền	Ngữ văn
282	Lại Thị Phương	27/03/1996	THCS Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Ngữ văn
283	Hoàng Hải Yến	02/01/1996	THCS An Đà	Ngô Quyền	Tiếng Anh
284	Nguyễn Thị Hồng Luyến	26/08/1985	THCS Chu Văn An	Ngô Quyền	Tiếng Anh
285	Bùi Thị Thuý Dương	17/11/1985	THCS Đà Nẵng	Ngô Quyền	Tiếng Anh
286	Phạm Thị Thoan	27/11/1977	THCS Đà Nẵng	Ngô Quyền	Tiếng Anh
287	Phạm Thị Hồng	19/06/1990	THCS Lạc Viên	Ngô Quyền	Tiếng Anh
288	Vũ Thị Ngọc Mai	12/08/1987	THCS An Đà	Ngô Quyền	Toán
289	Vũ Thị Gái	03/02/1986	THCS Chu Văn An	Ngô Quyền	Toán
290	Mạc Văn Nghĩa	14/08/1990	THCS Chu Văn An	Ngô Quyền	Toán
291	Đinh Thị Minh Hồng	27/04/1991	THCS Đà Nẵng	Ngô Quyền	Toán
292	Ngô Thị Lan	19/06/1978	THCS Lạc Viên	Ngô Quyền	Toán
293	Bùi Quang Thiện	20/08/1986	THCS Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Toán

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Quận/huyện	Môn dự thi
294	Phạm Thị Mai Anh	30/01/1990	THCS Quang Trung	Ngô Quyền	Toán
295	Vũ Thị Ngọc Mai	08/09/1987	THCS Quang Trung	Ngô Quyền	Toán
296	Trần Thị Châm	17/06/1987	THCS Đà Nẵng	Ngô Quyền	Giáo dục thể chất
297	Nguyễn Thị Minh Anh	24/12/1991	THCS An Đà	Ngô Quyền	Vật lí
298	Phạm Thị Như Ngọc	31/07/1991	THCS Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Vật lí
299	Hoàng Thuý Vân	31/10/1983	THCS Thị trấn Tiên Lãng	Tiên Lãng	Âm nhạc
300	Nguyễn Ngọc Thành	12/04/1979	THCS Bạch Đằng	Tiên Lãng	Công nghệ
301	Hà Thị Tím	26/01/1980	THCS Đông Hưng	Tiên Lãng	Công nghệ
302	Lê Thị Thanh Tâm	04/09/1981	THCS Thị trấn Tiên Lãng	Tiên Lãng	Địa lí
303	Bùi Thị Hoài Thanh	02/12/1981	THCS Kiến Thiết	Tiên Lãng	Giáo dục công dân
304	Hoàng Thị Thu Hoài	29/09/1981	THCS Tiên Minh	Tiên Lãng	Giáo dục công dân
305	Hoàng Thị Sính	27/05/1984	THCS Bắc Hưng	Tiên Lãng	Hóa học
306	Bùi Thị Hoạt	11/08/1980	THCS Kiến Thiết	Tiên Lãng	Hóa học
307	Tạ Thị Cảnh	04/07/1986	THCS Thị trấn Tiên Lãng	Tiên Lãng	Khoa học tự nhiên
308	Vương Thị Phương Lan	19/02/1978	THCS Đại Thắng	Tiên Lãng	Lịch sử
309	Nguyễn Thị Dung	25/12/1980	THCS Quyết Tiến	Tiên Lãng	Lịch sử
310	Nguyễn Thị Kim Thoa	27/02/1984	THCS Thị trấn Tiên Lãng	Tiên Lãng	Lịch sử và Địa lý
311	Dương Thị Hồng Hiện	23/11/1981	THCS Khởi Nghĩa	Tiên Lãng	Mĩ thuật
312	Phan Thị Nhung	17/09/2022	THCS Hùng Thắng	Tiên Lãng	Ngữ văn
313	Hán Thị Lạng	06/02/1980	THCS Kiến Thiết	Tiên Lãng	Ngữ văn
314	Vũ Thị Làn	25/02/1980	THCS Thị trấn Tiên Lãng	Tiên Lãng	Ngữ văn
315	Lương Thị Len	26/07/1979	THCS Thị trấn Tiên Lãng	Tiên Lãng	Ngữ văn
316	Hoàng Thị Thiết	19/08/1986	THCS Đại Thắng	Tiên Lãng	Sinh học
317	Bùi Bích Phương	22/12/1985	THCS Tiên Cường	Tiên Lãng	Sinh học
318	Trần Thị Phượng	15/05/1981	THCS Đoàn Lập	Tiên Lãng	Tiếng Anh
319	Phạm Tiến Giáp	09/04/1982	THCS Tây Hưng	Tiên Lãng	Tiếng Anh
320	Trần Thị Hiền	14/08/1981	THCS Thị trấn Tiên Lãng	Tiên Lãng	Tiếng Anh
321	Nguyễn Thị Mai Anh	13/12/1982	THCS Thị trấn Tiên Lãng	Tiên Lãng	Tiếng Anh
322	Nguyễn Thị Hạnh	26/09/1981	THCS Kiến Thiết	Tiên Lãng	Tin học
323	Nguyễn Thị Luyến	21/06/1982	THCS Vinh Quang	Tiên Lãng	Tin học
324	Đinh Thị Hà	01/01/1987	THCS Hùng Thắng	Tiên Lãng	Toán
325	Lê Xuân Thắng	12/12/1975	THCS Khởi Nghĩa	Tiên Lãng	Toán
326	Vũ Văn Nam	15/06/1987	THCS Quang Phục	Tiên Lãng	Toán

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Quận/huyện	Môn dự thi
327	Vũ Văn Đoàn	24/08/1990	THCS Tiên Cường	Tiên Lãng	Toán
328	Phạm Thị Phương Tâm	15/06/1992	THCS Thị trấn Tiên Lãng	Tiên Lãng	Toán
329	Cao Văn Lương	14/12/1979	THCS Kiến Thiết	Tiên Lãng	Giáo dục thể chất
330	Nguyễn Thị Nhung	07/02/1989	THCS Bạch Đằng	Tiên Lãng	Vật lí
331	Vũ Văn Tuyên	04/05/1981	THCS Tiên Thanh	Tiên Lãng	Vật lí
332	Nguyễn Thị Thanh Huyền	05/03/1983	THCS An Lư	Thủy Nguyên	Âm nhạc
333	Phạm Thị Thùy	05/03/1983	THCS Lập Lễ	Thủy Nguyên	Âm nhạc
334	Trần Thị Tuấn Thủy	24/08/1979	THCS Hoa Động	Thủy Nguyên	Công nghệ
335	Bùi Thị Tuyết	12/01/1979	THCS Liên Khê	Thủy Nguyên	Công nghệ
336	Nguyễn Thị Táp	18/05/1978	THCS Ngũ Lão	Thủy Nguyên	Công nghệ
337	Vũ Thị Thủy	01/09/1981	THCS An Lư	Thủy Nguyên	Địa lí
338	Bùi Thị Thanh Nga	30/03/1983	THCS Hoàng Động	Thủy Nguyên	Địa lí
339	Đỗ Thị Hương	27/03/1980	THCS Minh Tân	Thủy Nguyên	Địa lí
340	Đào Thị Mỹ Trinh	25/06/1980	THCS Gia Minh	Thủy Nguyên	Giáo dục công dân
341	Bùi Thị Lương	23/09/1980	THCS Minh Đức	Thủy Nguyên	Giáo dục công dân
342	Nguyễn Thị Thu Hiền	04/08/1981	THCS Tân Dương	Thủy Nguyên	Giáo dục công dân
343	Lê Thị Thanh Loan	14/09/1982	THCS Đông Sơn	Thủy Nguyên	Hóa học
344	Vũ Văn Chiềng	08/11/1984	THCS Lê Ích Mộc	Thủy Nguyên	Hóa học
345	Vũ Cẩm Tú	30/08/1989	THCS Thủy Đường	Thủy Nguyên	Hóa học
346	Đặng Thị Luận	11/05/1988	THCS Ngũ Lão	Thủy Nguyên	Khoa học tự nhiên
347	Phạm Thị Phượng	26/08/1990	THCS Tân Dương	Thủy Nguyên	Khoa học tự nhiên
348	Lê Thanh Vân	26/04/1983	THCS Lập Lễ	Thủy Nguyên	Khoa học tự nhiên
349	Vũ Huy Hoàng	14/09/1980	THCS Cao Nhân	Thủy Nguyên	Lịch sử
350	Nguyễn Thị Thu Hương	18/01/1981	THCS Hoa Động	Thủy Nguyên	Lịch sử
351	Mạc Thị Phương Nhung	28/02/1982	THCS Quảng Thanh	Thủy Nguyên	Lịch sử
352	Phùng Thị Duyên	07/05/1980	THCS Lưu Kiếm	Thủy Nguyên	Lịch sử và Địa lý
353	Đào Thị Loan	30/01/1980	THCS Minh Tân	Thủy Nguyên	Lịch sử và Địa lý
354	Đào Thanh Duyên	25/08/1982	THCS Tân Dương	Thủy Nguyên	Lịch sử và Địa lý
355	Nguyễn Thị Hà	05/10/1980	THCS Cao Nhân	Thủy Nguyên	Mĩ thuật
356	Phạm Thị Huế	06/12/1984	THCS Đông Sơn	Thủy Nguyên	Mĩ thuật

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Quận/huyện	Môn dự thi
357	Trần Thị Hoài	17/05/1992	THCS An Lư	Thủy Nguyên	Ngữ văn
358	Nguyễn Thị Minh Huệ	22/04/1987	THCS Hoa Động	Thủy Nguyên	Ngữ văn
359	Nguyễn Thị Lương	23/01/1978	THCS Lê Ích Mộc	Thủy Nguyên	Ngữ văn
360	Nguyễn Thị Thu Hằng	26/02/1980	THCS Lê Ích Mộc	Thủy Nguyên	Ngữ văn
361	Nguyễn Thị Ninh	13/01/1982	THCS Liên Khê	Thủy Nguyên	Ngữ văn
362	Trịnh Thị Ngọc Bích	19/10/1997	THCS Quảng Thanh	Thủy Nguyên	Ngữ văn
363	Nguyễn Thị Huệ	14/09/1986	THCS Dương Quan	Thủy Nguyên	Sinh học
364	Đào Thị Hạnh	25/01/1980	THCS Lê Ích Mộc	Thủy Nguyên	Sinh học
365	Nguyễn Thị Thoa	19/10/1980	THCS Thủy Triều	Thủy Nguyên	Sinh học
366	Đào Thị Hà Thanh	07/12/1979	THCS An Lư	Thủy Nguyên	Tiếng Anh
367	Nguyễn Thị Huệ	21/07/1982	THCS Lâm Động	Thủy Nguyên	Tiếng Anh
368	Nguyễn Thu Trang	03/08/1981	THCS Lê Ích Mộc	Thủy Nguyên	Tiếng Anh
369	Nguyễn Phương Thảo	28/12/1981	THCS Lưu Kiêm	Thủy Nguyên	Tiếng Anh
370	Bùi Thị Linh	10/10/1981	THCS Thiên Hương	Thủy Nguyên	Tiếng Anh
371	Hoàng Văn Dũng	31/08/1980	THCS Hoa Động	Thủy Nguyên	Toán
372	Tạ Thu Hằng	17/04/1990	THCS Hoàng Động	Thủy Nguyên	Toán
373	Đào Thị Thu Thủy	12/05/1994	THCS Lê Ích Mộc	Thủy Nguyên	Toán
374	Nguyễn Văn Hạnh	27/04/1979	THCS Lê Ích Mộc	Thủy Nguyên	Toán
375	Trịnh Thị Thúy Hằng	04/10/1981	THCS Quảng Thanh	Thủy Nguyên	Toán
376	Hoàng Văn Nguyên	04/09/1980	THCS Thiên Hương	Thủy Nguyên	Toán
377	Trịnh Thị Hiền	16/10/1982	THCS An Lư	Thủy Nguyên	Giáo dục thể chất
378	Nguyễn Thị Hiếu	02/08/1978	THCS Lại Xuân	Thủy Nguyên	Giáo dục thể chất
379	Nguyễn Thế Thắng	25/05/1977	THCS Mỹ Đồng	Thủy Nguyên	Giáo dục thể chất
380	Trần Văn Bắc	09/02/1978	THCS An Lư	Thủy Nguyên	Vật lí
381	Phạm Thị Ngát	01/11/1980	THCS Lưu Kiêm	Thủy Nguyên	Vật lí
382	Trịnh Thị Thu Huyền	19/07/1982	THCS Minh Đức	Thủy Nguyên	Vật lí
383	Nguyễn Thị Liên	16/05/1978	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Vĩnh Bảo	Hóa học
384	Phạm Thị Hường	02/03/1979	THCS Cao Minh	Vĩnh Bảo	Lịch sử
385	Phạm Thị Anh	27/08/1985	THCS An Hòa	Vĩnh Bảo	Ngữ văn
386	Nguyễn Văn Thắng	06/01/1992	THCS Dũng Tiên	Vĩnh Bảo	Ngữ văn
387	Vũ Thị Hoài	24/06/1990	THCS Hiệp Hòa-Hùng tiên	Vĩnh Bảo	Ngữ văn
388	Nguyễn Thị Trang Nhung	02/05/1984	THCS Vĩnh An-Tân Liên	Vĩnh Bảo	Ngữ văn
389	Lê Sỹ Tuấn	20/07/1982	THCS Cô Am- Vĩnh Tiên	Vĩnh Bảo	Toán
390	Nguyễn Thị Hiền	16/06/1995	THCS Hiệp Hòa-Hùng tiên	Vĩnh Bảo	Toán
391	Nguyễn Thị Mát	15/01/1988	THCS Việt Tiên	Vĩnh Bảo	Toán
392	Vũ Đức Hậu	24/04/1987	THCS Trần Dương	Vĩnh Bảo	Giáo dục thể chất

(Danh sách gồm 392 người)/.